

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 6 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Cao Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Diệp Ngọc Dinh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà F đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ H3, số C, Tổ B, Khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Ngọc M, sinh năm 1979; địa chỉ: Số C, Tổ A, Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Hồ Hoàng H1, số C, Tổ B, Khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – bà Phạm Thị Ngọc H trình bày: Bà H và ông Võ Ngọc M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh

Tiền Giang là hôn nhân tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2013 cấp ngày 23/9/2013. Quá trình chung sống bà H và ông M có 02 con chung tên Võ Ngọc Nhã H2, sinh ngày 24/3/2014 và Võ Ngọc Minh V, sinh ngày 05/6/2016.

Sau khi kết hôn, bà H và ông M chung sống hạnh phúc. Từ tháng 12/2023, bà H cùng 02 con chuyển về sinh sống tại nhà mẹ ruột bà H do cả hai phát sinh mâu thuẫn về tài chính, không tìm thấy tiếng nói chung, ông M thường xuyên đánh đập bà H do ghen tuông phải ra địa phương hoà giải nhưng không có lập biên bản, ông M cũng không phụ giúp bà H trong việc chăm sóc con chung, cả hai nhiều lần tạo cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn tiếp diễn và ngày càng trầm trọng hơn.

Nay, bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phạm Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Ngọc M; về con chung bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Võ Ngọc Nhã H2 và Võ Ngọc Minh V; về cấp dưỡng: bà H yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông M không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Võ Ngọc M đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia hòa giải, tham gia phiên họp và tham gia phiên tòa hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày về vụ kiện cho Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng của ông M và bà H đã trầm trọng, ông M được tổng đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Võ Ngọc M hiện đang tạm trú tại Nhà trọ H3, số C, Tổ B, Khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một;

Bà Phạm Thị Ngọc H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông M đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Bà Phạm Thị Ngọc H và ông Võ Ngọc M chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2013 cấp ngày 23/9/2013 nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống, do hai bên bất đồng về quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; tình cảm vợ chồng không còn, qua xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương xác định ông M và bà H có sinh sống tại nhà trọ số 39, Tổ B, Khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhưng bà H đã không còn ở tại địa chỉ trên khoảng 01 năm nay. Mặt khác, ông M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do cho thấy ông M không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông M là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà H và ông M có 02 con chung tên Võ Ngọc Nhã H2, sinh ngày 24/3/2014 và Võ Ngọc Minh V, sinh ngày 05/6/2016; bà Phạm Thị Ngọc H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Võ Ngọc Nhã H2 và Võ Ngọc Minh V. Quá trình giải quyết vụ án, ông M không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến mặc dù ông M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho thấy ông M không có mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân và không ý kiến về việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng mà bà H yêu cầu. Xét thấy, con chung hiện nay đang sinh sống ổn định cùng bà H, bà H hiện có công việc và thu nhập ổn định có thể đảm bảo việc chăm lo cho con. Các cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ nên việc trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung của bà H sẽ tốt hơn cho con về mọi mặt nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của bà H là có căn cứ chấp nhận; bà H yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với thu nhập bình quân nơi ông M sinh sống và phù hợp quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc H đối với bị đơn ông Võ Ngọc M về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”;

Bà Phạm Thị Ngọc H được ly hôn ông Võ Ngọc M.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/9/2013)

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Võ Ngọc Nhã H2, sinh ngày 24/3/2014 và Võ Ngọc Minh V, sinh ngày 05/6/2016.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Võ Ngọc M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng) cho đến khi 02 cháu Võ Ngọc N H2 và Võ Ngọc Minh V đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

Ông Võ Ngọc M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; trường hợp, đương sự lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Phạm Thị Ngọc H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Võ Ngọc M.

Sau này, vì lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Võ Ngọc N H2 và Võ Ngọc Minh V, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000763 ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Ông Võ Ngọc M phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duy Nhân